

# Quan niệm về dân của phong trào Duy Tân đầu thế kỷ XX ở Việt Nam

VŨ MINH TÂM \*

**T**U tưởng bao trùm đầu thế kỷ XX ở Việt Nam là tư tưởng duy tân, được thể hiện mạnh mẽ, nổi bật bằng *phong trào Duy Tân*. Phong trào Duy Tân là một bước đột biến sau và trong sự khủng hoảng, bế tắc của hiện thực xã hội, của dân tộc Việt Nam từ nửa cuối thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX. Nó khởi đầu cho bước chuyển biến mới của tinh thần, ý thức con người Việt Nam: tư tưởng yêu nước truyền thống kết hợp với tư tưởng cách mạng dân chủ tư sản từ phương Tây cũng như từ phương Đông (Nhật Bản, Trung Quốc). Ở đây, tư tưởng duy tân vừa mang tính dân tộc (độc lập, tự cường), tính xã hội (dân chủ, văn minh), vừa mang tính quốc tế (chống chủ nghĩa thực dân, đề cao tiến bộ xã hội). Duy tân - đó là một yêu cầu tự cường bằng nội lực và hội nhập bằng bình đẳng quốc tế.

Tư tưởng duy tân được tập trung ở quan niệm về *dân*. Dân là cơ sở, nội dung, cũng là mục tiêu của duy tân. Quan niệm về dân bao gồm những điểm chủ yếu, cơ bản: *Chấn dân khí*, *Khai dân trí* và *Hậu dân sinh*. Quan niệm về dân của tư tưởng duy tân nằm trong mục đích chung của phong trào duy tân là giành quyền tự chủ cho dân, quyền tự cường cho nước, trước hết nhằm đánh đuổi thực dân

Pháp, giải phóng đất nước, đem lại lợi ích mọi mặt cho toàn dân, xây dựng một quốc gia độc lập, dân chủ và tự do.

*Chấn dân khí* là một trong những nội dung chủ yếu, cơ bản của tư tưởng duy tân. Trong đó, mọi người dân phải thức tỉnh, nâng cao, phát triển tinh thần, ý thức, ý chí, tình cảm đối với vận mệnh của dân tộc, của đồng bào, đối với sự nghiệp

tự lực, tự cường của đất nước; phải tự giác tranh đấu giành lấy lợi quyền của mình, của giống nòi, của bất cứ ai là con người. *Chấn dân khí* đòi hỏi phải giải thoát, xóa bỏ mọi tư tưởng bằng quan, vô trách nhiệm đối với Tổ quốc, đồng bào và đối với cả bản thân mỗi người do những định kiến, quan niệm, tư tưởng cổ hủ, lạc hậu và ách chuyên chế thực dân, phong kiến gây ra. Mục tiêu của *Chấn dân khí* là khơi dậy tinh thần đấu tranh cho độc lập dân tộc, xây dựng xã hội dân chủ, văn minh, tạo lập hạnh phúc cho nhân dân và phát triển, phồn vinh cho đất nước.

Các nhà duy tân đều coi dân khí nước ta lúc bấy giờ chìm đắm trong "cái hèn", không xứng đáng trước khí phách hào hùng vốn có của cha ông với truyền thống quên mình vì độc lập, tự chủ, tự cường dân tộc. Người dân ta vì tham lợi riêng, cầu danh vọng cá nhân, hám quan chức, hèn nhát sợ chết, cầu an, vô trách nhiệm, ham sống hưởng lạc, "tranh cạnh nơi ăn chốn ngồi", vì mọi thứ riêng tư tâm thường... mà lãng quên, rời bỏ, đánh mất "hồn thiêng đất nước"; tức là cam phận làm vong quốc nô, chịu để mất nước vào tay bọn thực dân, bọn xâm lược,

\* PGS, TS, Trường đại học Sư phạm Hà Nội

chịu để dân tình lâm vào cảnh đói khổ, chết chóc, dốt nát và uơ hèn.

Con đường *Chấn dân khí* là đánh thức, bồi đắp tư tưởng, tình cảm vì nước, cứu nguy dân tộc, ái quốc, ái quần ở mỗi người dân, ở toàn dân, là "chiêu hồn nước" cho non sông Việt Nam. Ở đây, yêu nước không liên quan gì, thậm chí là loại trừ, đối với trung quân. Yêu nước, trước hết là biết tự hào dân tộc, quý trọng giang sơn gấm vóc, cảm phục và noi theo những tấm gương anh hùng đầy nghĩa khí vì sự sống còn của dân tộc. Yêu nước giờ đây là phải thực hành cách mạng, làm thay đổi thân phận của dân tộc, của dân ta; là dám dấn thân tranh đấu cho độc lập, phồn vinh của đất nước. Có thể nói, trong thơ văn của các nhà chủ trương duy tân, của các chiến sỹ phong trào duy tân như Huỳnh Thúc Kháng, Phan Châu Trinh, Phan Bội Châu, Trần Quý Cáp, Ngô Đức Kế, Nguyễn Thượng Hiền, Tăng Bạt Hổ... luôn chứa đựng một bầu máu nóng của người lính xung trận xả thân vì nước, vì dân. Đó chính là sức mạnh của tinh thần yêu nước mang tính tự giác, tự chủ theo nhận thức, ý thức mới.

Sự thống nhất chặt chẽ giữa dân và nước, "*Dân là dân nước, nước là nước dân*"<sup>(1)</sup>, đã dẫn đến đường lối cứu nước là huy động sức dân, do sức dân quyết định. Sức dân ở đây bắt nguồn từ ý thức đoàn kết dân tộc và lấy hợp quần làm lực lượng cách mạng, lấy đồng tâm của đồng bào làm động lực tinh thần. Đoàn kết cũng có nghĩa là phải xem nhẹ lợi ích nhỏ hẹp, trước mắt của cá nhân, bài trừ vị kỷ, xem trọng lợi ích của nhân dân, của dân tộc: "*Khuyên nhau lấy chữ đồng bào / Lấy câu ích quốc, lấy điều lợi dân / Đường bảo chúng, nghĩa hợp quần / Tự cường thế ấy, duy tân thế nào?*" (Nguyễn Quyền). Đoàn kết vì vận mệnh của nhân dân, của Tổ quốc là cốt lõi của ý thức,

tình cảm đồng bào: "*Nghĩa đồng bào là nguyên khí của quốc gia*", "*Hiểu được nghĩa đồng bào thì nghĩa quốc gia càng thêm đầy đủ và càng thêm mạnh*" (Phan Bội Châu). Đoàn kết, hợp quần, nghĩa đồng bào liên quan đến lợi ích của mỗi con người cũng như lợi ích của quốc gia, dân tộc: "*Phúc cùng hưởng, họa cùng đau / Một gan, một ruột ghi sâu chữ đồng*" (Đông Kinh nghĩa thực).

Chính như thế, việc phê phán, xóa bỏ hệ tư tưởng Nho giáo thống trị giáo điều, cực đoan và siêu hình mà vương triều Nguyễn tôn thờ, bảo vệ là một yêu cầu khẩn thiết, một hành động "kịch liệt" của các nhà cách mạng duy tân. Cái quan niệm "Trời không đổi thì đạo cũng không đổi" đã ru ngủ, nhấn chìm dân khí, tạo ra cái hèn, cái ngu, cái nghèo cho dân chúng, cần phải được loại trừ tận gốc rễ. *Chấn dân khí* không thể không chống lại các thứ tư tưởng có hại đến khí phách mới, hồn nước mới của nhân dân.

*Khai dân trí* là một trong những nội dung chủ yếu, cơ bản của tư tưởng duy tân. Theo đó, toàn dân phải có trình độ nhận thức mới, tri thức mới của văn minh nhân loại hiện tại để xây dựng xã hội tiến bộ, phát triển, tạo lập một dân tộc tự chủ, tự cường. Muốn khai dân trí, trước hết, phải chú trọng đến văn minh hiện tại mà nhân loại đã đạt được: "*Văn minh với dân trí, hai đàng cùng làm nhân quả cho nhau. (...) trình độ dân trí được đề cao dần thì sức bành trướng của văn minh cũng sẽ lớn lên, và nền tảng văn hiến sẽ bền vững lâu dài*" ("*Văn minh tân học sách*"). Văn minh ở đây là văn minh có tính phổ biến, tính hiện đại (đối với đương

(1) Những dẫn chứng thơ văn trong bài (in nghiêng) đều rút từ cuốn *Thơ văn yêu nước và cách mạng đầu thế kỷ XX* (1900 - 1930) do Chương Thâu - Triệu Dương - Nguyễn Đình Chú biên soạn, Nguyễn Đình Chú giới thiệu, Nxb Văn học, Hà Nội, 1976

thời) và tính thực tiễn (đang hiện hành ở phương Tây, ở Nhật Bản thời Minh Trị Duy Tân và ở cuộc vận động cải cách dẫn đến Cách mạng Tân Hợi tại Trung Quốc). Đó là thứ văn minh "động" để luôn luôn phù hợp, đáp ứng tích cực trước sự vận động, biến chuyển, phát triển của công cuộc duy tân đất nước, của thực tiễn cách mạng. Tất cả đều nhằm thực hiện mục tiêu giải phóng dân tộc, làm cho mọi người dân có năng lực tự chủ, tự cường trong mưu sinh cũng như trong kiến thiết xã hội. "*Rủ nhau đi học mọi điều văn minh*" (Phan Châu Trinh) là tiếng gọi tha thiết, cấp bách đối với toàn thể nhân dân.

Theo các nhà duy tân, "trí" mang nội dung nhận thức có tính khoa học, là sự tiếp cận, nắm bắt được những tri thức trên mọi lĩnh vực mà thế giới hiện đại đã đạt tới trong các ngành thuộc khoa học xã hội - nhân văn, khoa học chính trị, khoa học tự nhiên, khoa học - kỹ thuật - công nghệ, khoa học quân sự, khoa học kinh tế, khoa học giáo dục và nghề nghiệp báo chí, tân thư. Nói cách khác, đó là những công cụ, phương tiện để người ta mở mang trí tuệ, văn hóa, tạo ra khả năng hoạt động thực dụng, thực hành trong sản xuất, giao thương, lối sống, sinh hoạt và quản lý xã hội. Nhờ có "trí", dân mới có thể tự cứu mình bằng các lợi ích tinh thần cũng như các lợi ích vật chất do nó mang lại. Chính nhờ có "trí mới" nên dân các nước phương Tây, Nhật Bản đã trở nên giàu sang, xã hội của họ phồn vinh. Cũng theo các nhà duy tân, việc "duy tân dân trí", việc học văn minh "*Phải nhận cho tường mục đích / Định phương châm mình bạch kẻ lầm / Nếu mà không biết phương châm / Sách kia dầu học nghìn năm cũng thừa*" (Nguyễn Phan Lãng). Mục đích ở đây là học để tự cường dân tộc; và phương châm là học phải phù hợp, đáp ứng nhu cầu của thực tiễn duy tân và tân học.

Một trong những phương sách hiệu quả nhất của khai dân trí là cải cách phương pháp học, lối học, đưa cái mới, tân tiến vào phương thức đào tạo con người. Các tác phẩm "Tĩnh quốc hồn cả", "Văn minh tân học sách", "Luận về chính học cùng tà tuyệt", "Cáo hủ lậu văn"... đề xướng một nền học quốc dân mới; trong đó, con người vừa là đối tượng và mục đích của tân học, vừa là chủ thể và trung tâm hoạt động của nâng cao dân trí. Có thể nói thêm một số nét cụ thể: đối tượng học là toàn dân, không trừ một ai; thời gian, quá trình học không hạn chế và tùy thuộc vào từng điều kiện sinh sống; hình thức học không chỉ ở trường lớp "chính quy", mà cả khi lao động, làm ăn; học suốt đời, học theo nhu cầu văn minh; học trong nước, học lúc Đông du, Tây du. Do đó, nhà trường cần dạy tiếng Việt thông dụng, chữ Quốc ngữ, tiếng nước ngoài, các môn khoa học thuộc mọi lĩnh vực, nhất là khoa học thực dụng, thực nghiệm, kỹ xảo, cũng như cần cải cách khoa cử... Nói chung, toàn dân phải học, học từ đâu, học mọi cái mới, học bằng mọi cách, học không ngừng, học để luôn luôn thích ứng với tiến bộ xã hội, với tầm văn hóa, văn minh thế giới. Phải chăng, đây là một quan điểm về "xã hội hóa giáo dục"? Đi xa hơn, phong trào duy tân còn chú trọng đến lối sống, lễ thói sinh hoạt thường nhật, phong tục tập quán, lễ nghi, xem chúng liên quan trực tiếp đến công cuộc văn minh hóa, tiến bộ xã hội. Có thể, các nhà cách mạng đầu thế kỷ XX đã nghĩ đến một dân tộc văn minh cần có cách sống theo văn hóa tri thức, văn minh công nghiệp trong một xã hội có nền kinh tế hiện đại, có tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ?

**Hậu dân sinh** cũng là một trong những nội dung chủ yếu, cơ bản của tư tưởng duy tân. Trong đó, mọi người dân được sống sung túc, giàu có, hạnh phúc bằng cách phát triển mọi mặt của kinh tế, chấn hưng công nghệ, biết tự

làm giàu cho mình, cho nước theo cách "công nghiệp hóa", "thương nghiệp hóa", "thị trường hóa" trong sản xuất xã hội. Động lực của *Hậu dân sinh* là toàn dân (tứ dân: nông, công, thương, sĩ; và các tầng lớp xã hội khác). Phương châm hoạt động là bằng nội lực, tự chủ, có tổ chức; đồng thời, học hỏi kinh nghiệm, mô hình, tri thức khoa học, kỹ thuật và công cụ công nghệ của các nước có nền kinh tế phát triển. Trong "Hợp quần doanh sinh thuyết", Nguyễn Thượng Hiền khẳng định, tiềm năng con người và điều kiện tự nhiên của nước ta hoàn toàn có thể làm cho dân phú, nước cường. Ông đề xướng, hô hào một đường lối, kế hoạch phát triển kinh tế khá cụ thể, thiết thực và rộng lớn mà mọi tầng lớp xã hội đều có thể tham gia.

Nhìn chung, *Hậu dân sinh* hướng tới một nền kinh tế tập trung được những hoạt động mang nội dung: 1 - Mở mang nông nghiệp dưới mọi hình thức (khẩn hoang, làm vườn, lập trang trại, chăn nuôi gia súc hàng hóa, lưu thông nông - lâm sản), lập hội nông dân, nông nghiệp và tổ chức lại nông thôn theo cách sống mới. 2 - Thành lập các công ty cổ phần (góp vốn) trong hoạt động công nghiệp, thương nghiệp, các hội buôn bán, các công ty công nghiệp khai thác, chế biến nguyên liệu, quặng mỏ; mở nhà băng phục vụ nông, công, thương nghiệp. 3 - Khuếch trương các hoạt động kinh tế lớn kết hợp với hoạt động kinh tế nhỏ (buôn bán, sản xuất trong phạm vi gia đình, nhóm, tập đoàn). 4 - Chú trọng khai thác, phát triển nghề thủ công, mỹ nghệ truyền thống, đặc sản kết hợp với sản xuất đại trà theo "kỹ thuật, công nghệ"; khuyến khích chấn hưng ngành nghề bằng sử dụng công cụ sản xuất như Âu - Mỹ. 5 - Làm ra nhiều sản phẩm tiêu dùng mang tính chất hàng hóa để lưu thông trên thị trường, tạo ra thói quen dùng hàng nội hóa để tận thu mọi nguồn lợi. 6 - Mở rộng và nhanh chóng giao lưu, thông thương kinh tế ở ngay

trong nước và ở cả ngoài nước. 7 - Khai nguồn tiềm năng lao động, sáng tạo khoa học, công nghệ của mọi người, tạo cho mỗi người có nghề nghiệp, có năng lực lập nghiệp để tự mưu sinh.

Các nhà tư tưởng trong phong trào duy tân coi chấn hưng kinh tế là nền tảng của tự cường dân tộc, đồng thời cũng là nền tảng của *Hậu dân sinh*. Phát triển kinh tế không chỉ mang lại lợi ích cho mỗi cá nhân, gia đình, mà còn cho cả sự phồn vinh, thịnh vượng của dân tộc, quốc gia. *Hậu dân sinh* là sự kết hợp hữu cơ giữa "lợi quyền" của "lợi riêng" và "lợi quyền" của "lợi chung": "*Việc công nghệ của ta đã giỏi / Việc bán buôn cũng nổi mãi lên / Tung ra cho khắp mọi miền / Dần dần thu lại lợi quyền về ta / Trước ích nhà, sau ra ích nước / Đã lợi riêng lại được lợi chung*" ("Nên dùng hàng nội hóa"). Như thế, xét tới cùng, *Hậu dân sinh* chính là sự đáp ứng tích cực nhu cầu sống của nhân dân bằng lợi ích do nhân dân tạo ra và có quyền được hưởng.

**Chấn dân khí - Khai dân trí - Hậu dân sinh** là luận đề trung tâm của phong trào Duy Tân. Đó là một hệ thống tư tưởng có tính thống nhất và tính biện chứng nhất định. Nếu *Chấn dân khí* là tiền đề, điều kiện để *Khai dân trí*, thì *Hậu dân sinh* vừa là chỗ dựa cơ bản, vững chắc, quyết định, vừa là mục tiêu cụ thể và cũng là mục đích chung của duy tân. Đồng thời, *Khai dân trí* không chỉ là chất liệu và phương tiện, mà còn là động lực, nguồn lực "được vật chất hóa" để thực thi *Chấn dân khí* và *Hậu dân sinh*. Có thể xem Đông Kinh nghĩa thực như là một mô hình hoạt động thể hiện tinh thần của "ba điều về dân" nói trên.

\* \*  
\*

Tư tưởng của phong trào Duy Tân đã thuộc về dòng chảy của văn hóa dân tộc. Nó

đánh dấu một mốc son mới trên con đường dân tộc ta phát hiện ra chính mình và tạo ra các giá trị mới cho chính mình. Ph. Ăng-ghe-n viết: "... mỗi bước tiến lên trên con đường văn hóa lại là một bước tiến tới tự do"<sup>(2)</sup>. Quan niệm về dân của các nhà duy tân đã tạo ra nguồn sinh khí mới cho tinh thần cách mạng Việt Nam vào những năm đầu của thế kỷ XX. Tuy nhiên, do những nhân tố chủ quan và khách quan mang tính lịch sử - cụ thể, tư tưởng duy tân, trong đó có tư tưởng về dân, không thể không có những điểm "bất cập". Trước hết, điều chủ yếu là, tư tưởng duy tân không có được một hệ tư tưởng, một ý thức giai cấp thật sự tiên tiến, khoa học, cách mạng - điều mà sau này chỉ có được ở "phong trào cộng sản" và ở "người cộng sản" Việt Nam. Mặt khác, lập trường, đường lối và phương châm "cứu dân, cứu nước" của các nhà duy tân không thoát ra khỏi khuôn khổ của ý thức, tư tưởng dân chủ tư sản vốn ngay từ khi ra đời đã mang nhiều khuyết tật, thậm chí là những căn bệnh vô phương cứu chữa. Đồng thời, dù là "bạo động" (Phan Bội Châu) hay "cải cách" (Phan Châu Trinh), tư tưởng duy tân cũng không nhận ra được cái "gốc rễ" của xã hội là vấn đề kinh tế - xã hội, cùng với bản chất của chủ nghĩa thực dân, chủ nghĩa đế quốc đang thống trị nước ta lúc bấy giờ.

Rõ ràng là, con đường cứu dân, cứu nước phải là con đường giải phóng dân tộc gắn với cách mạng vô sản, con đường cách mạng vô sản. Con đường cách mạng đó là sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế vô sản, độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội, như Nguyễn Ái Quốc vào đầu những năm hai mươi của thế kỷ trước đã tìm ra.

Công cuộc đổi mới toàn diện, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng chủ

nghĩa xã hội, thực hiện thắng lợi mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh" ở nước ta hiện nay đòi hỏi một quan niệm mới về dân trên tinh thần của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đảng ta đã xác định: dân là toàn thể nhân dân, toàn thể dân tộc, không phân biệt giai cấp, tầng lớp, vị thế xã hội, dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo... cùng tham gia sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong sự đồng thuận, thống nhất, đoàn kết toàn dân, lực lượng nền tảng, nòng cốt là giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức. Vì vậy, công cuộc đổi mới mà toàn dân ta đang tiến hành dưới sự lãnh đạo của Đảng chính là đem lại quyền lợi cho dân, cho mỗi người dân. Đảng ta là đảng cầm quyền nhưng dân là người làm chủ. Đảng "lấy dân làm gốc" nên ý Đảng, lòng dân là thống nhất. "Dân biết, dân bàn, dân quyết, dân làm, dân kiểm tra" không chỉ là phương châm, phương thức của hoạt động thực tiễn, mà điều chủ yếu, là con đường chung để dân phát huy nội lực, tự giác, sáng tạo trong vai trò động lực, lực lượng của công cuộc đổi mới đất nước. Điều đó đòi hỏi mỗi người dân, toàn dân tự giác phát huy năng lực, sức mạnh của mình cũng như tự nâng cao ý thức, trí tuệ và khả năng trong hoạt động thực tiễn đổi mới.

Quan niệm về dân của chúng ta hiện nay có thể được xem như là một bước nhảy vọt, một sự biến đổi về chất so với truyền thống lịch sử, là sự phù hợp thực tế, khách quan với yêu cầu phát triển của xã hội Việt Nam hiện đại. □

(2) C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, t 20, tr 164